

SỐ 589

PHẬT THUYẾT MA NGHỊCH KINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ, chúng Đại Bồ-tát thì rất nhiều, không thể tính kể và chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc và chư Thiên cõi Tịnh cư.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì vô số chư vị trong chúng hội trước sau vây quanh mà giảng nói kinh pháp, có một vị Thiên tử tên là Đại Quang, vốn theo hầu cận Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hiện đang an tọa nơi tòa ngời, liền thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Thưa Đại sĩ! Vì sao có thể cho rằng các Bồ-tát thực hành những việc của ma? Việc làm của ma là gì?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Đối với các nghiệp mà có tạo tác, đó là việc làm của ma. Đối với chí nguyện mà có chỗ thọ nhận, chấp giữ, có sự xâm đoạt, đó là việc làm của ma. Nếu tư tưởng có ham muốn, chấp trước, nhận thức nhớ nghĩ mong cầu, đó là việc làm của ma.

Lại nữa, này Nhân giả! Bồ-tát nương tựa tham chấp, chí mong cầu đạt đến đạo quả, đó là việc làm của ma. Tâm đối với sáu pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ luôn dựa chấp, đó là việc làm của ma. Thức nghĩ về bố thí, vọng tưởng về trì giới, thọ chấp về nhẫn nhục, buông lung nơi tinh tấn, vướng mắc nơi thiền định, hạn hẹp về trí tuệ, đó là việc làm của ma.

Lại nữa, này Nhân giả! Tâm chỉ ưa thích ở chỗ vắng lặng, thực hành để đạt được các pháp quán cho riêng mình, đó là việc làm của ma. Nếu khiến nhớ nghĩ về hạnh tri túc, chỉ tu tập đức hạnh cho riêng mình, đó là việc làm của ma. Nếu hành theo nẻo không, vô tướng, vô nguyện, tu tập không buông lung, trụ chấp nơi chỗ thuyết giảng, chỉ dạy của Như Lai, đó là việc làm của ma. Nhân giả, nếu mọi tư tưởng đều có chỗ chấp giữ, tâm ý cũng ở chỗ ứng hợp thì mọi thấy nghe, nhớ biết, phân biệt về kinh điển đều là việc làm của ma.

Thiên tử Đại Quang lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Việc làm cho ma trụ ở đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Trụ ở sự tinh tấn.

Hỏi:

–Do những gì mà trụ nơi tinh tấn?

–Người thực hành tinh tấn nên mới bị các ma tìm cách quấy nhiễu. Người biếng

trễ thì ma Ba-tuần đâu cần phải quấy nhiễu!

Hỏi:

– Thế nào gọi là Bồ-tát tinh tấn không bị ma quấy nhiễu?

– Nếu cho là thân ta tinh tấn tức là không phù hợp. Vì sao? Vì tự thân đã tinh tấn nên cho là có chỗ ứng hợp, tức dựa dẫm vào thế gian. Nhân gia! Muốn biết rõ tinh tấn, tức là cùng tuân theo chỗ tu tập, vì tinh tấn bình đẳng tức là bình đẳng không có đối tượng để tinh tấn, do không còn chỗ ứng hợp tức là không buông lung. Nhân giả! Nếu mắt không còn hướng đến để hành theo sắc thì đó gọi là tinh tấn bình đẳng; tai không còn hướng đến để hành theo âm thanh; mũi không còn hướng đến để hành theo các mùi hương; lưỡi không còn hướng đến để hành theo các vị; thân không còn lệ thuộc vào các xúc chạm; ý không còn chấp giữ để hành theo các pháp thì đó gọi là tinh tấn bình đẳng.

Lại nữa, Nhân giả! Nếu không hành theo các thứ phiền não, đoạn trừ mọi thứ cấu uế của ái dục cho chúng sinh, đó gọi là Bồ-tát thực hành tinh tấn bình đẳng. Nếu ở trong ba cõi mà không chấp chỗ thực hành, cứu giúp, diệt trừ các thứ não loạn, chấp trước của chúng sinh, đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát. Thực hành bố thí, dứt mọi sự phân biệt, nên dùng bốn ân để giáo hóa các loài tham lam, keo kiệt. Tu tập giới cấm mà không phân biệt, điều phục, chỉ dạy các hạng chúng sinh đang phạm phải những việc ác. Thực hành nhẫn nhục, dứt trừ mọi vọng tưởng để điều phục các hạng người giận dữ. Thực hành tinh tấn, dứt mọi tưởng niệm để thâm phục các sự biếng nhác. Tu tập thiền định, trừ mọi sự phân biệt để thâm giữ mọi nẻo tâm ý loạn động. Hành hóa theo trí tuệ diệt mọi đối tượng phân biệt để chuyển hóa các thứ trí xấu ác. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Đại Quang:

– Như có chỗ thấu tỏ lý không, là hành theo trí tuệ, thực hành lý không, chẳng tưởng chấp cái không đó là nhớ nghĩ. Tinh tấn thực hành theo không là tiếp cận với các thứ nhận thức mà không có đối tượng được nhận thức. Xét rõ các tà kiến mà chẳng xa lìa pháp không, đó là thực hành theo lý không. Gọi là không, tức các nhận thức đều là không. Do không, nên gọi là không không. Do không không ấy nên gọi là không. Từ nơi không này nên các pháp đều là không. Hoặc thấu hiểu trí tuệ này mà dứt trừ kiêu mạn. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Lại nữa, Thiên tử! Tu tập như vậy mà dứt mọi tưởng chấp, cũng không nhớ nghĩ vô tưởng đều gắn liền với tất cả các thứ tưởng niệm, kết hợp các thứ tưởng niệm, không chấp vào chỗ tưởng niệm. Chỗ tưởng niệm là không tưởng niệm, cũng không tưởng chỗ tưởng niệm, bình đẳng đối với tất cả các tưởng, các niệm. Nếu có thể hiểu rõ tất cả các tưởng niệm như thế, thì dù có ở nơi trí tuệ ấy cũng không vì có trí tuệ mà kiêu mạn, cũng không ham thích buông lung. Đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Đại Quang:

– Hành theo vô nguyện chính là theo chỗ tâm hướng đến. Nếu được sự ái mộ, tâm không tham vướng. Chẳng hành theo chỗ nguyện để hướng tới đối tượng được phát sinh. Lìa các nhận thức về mọi thứ sinh diệt, vô thường, xả bỏ nhị biên, không chấp có thân, cũng không chấp ngã và ngã sở đều lìa bỏ hết mọi thứ chấp về vận hành, sinh tử, thực hành tinh tấn như thế, đó là hạnh tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo:

– Bồ-tát thường dùng sự bình đẳng để tu tập. Đối với chỗ có được trí tuệ sáng tỏ của bậc Thánh thì không còn chấp vào đối tượng để tu hành, hiểu rõ phương tiện thiện

xảo, thâm tóm gốc của tất cả các thứ công đức, thấu đạt về tuệ, về không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng. Dùng phương tiện thiện xảo nơi tinh tấn để mở bày, giáo hóa tất cả các loài chúng sinh. Đạt được trí tuệ của bậc Thánh, không đâu là không ứng hợp, không gì là không thanh tịnh. Người hiểu rõ phương tiện thiện xảo thì tinh tấn thâm tóm các chánh pháp.

Người có trí tuệ tinh tấn thì hiểu rõ tất cả chánh pháp, không hủy hoại pháp giới. Người thấu tỏ trí phương tiện thiện xảo thì cúng dường, phụng sự vô số chư Phật.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì phân biệt nẻo giác ngộ, giải thoát của bậc Thánh. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nêu giảng thông suốt các thứ sai khác nơi văn tự của giáo pháp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập theo thân Phật, dứt hết mọi lậu hoặc. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại nhân để tự trang nghiêm.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì khiến cho mọi thứ sinh tử không còn nơi chốn để sinh. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì thường nhớ nghĩ đến chúng sinh.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu hành nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì ban tuyên giáo pháp để đoạn trừ sáu mươi hai thứ tà kiến và các tướng chấp trước, mong cầu.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì khuyến khích chúng sinh tu hành tinh tấn để đạt được sáu thứ thân thông. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng thân thông biến hóa để cứu độ mọi loài.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tinh tấn nên không bị các ấm, giới, nhập, các trần gây trở ngại. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nắm giữ, phòng hộ các thứ ấm, nhập.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập theo bản tánh thanh tịnh của Niết-bàn. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì vì các chúng sinh mà mở bày, giáo hóa khiến họ tu hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì chứng đắc Tuệ nhãn, thấy biết cùng khắp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì đạt được Thiên nhãn, giáo hóa những hạng người còn tham chấp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì tu tập tinh tấn, không vướng mắc vào các pháp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì dùng văn tự để ghi chép, diễn tả, theo đó mà thuyết giảng chánh pháp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì phân biệt được ý nghĩa sâu xa nơi các pháp. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì tuyên dương trí tuệ, biện tài thuận hợp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì hiểu rõ các căn, mỗi mỗi đều sai khác, tâm niệm chẳng đồng. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì nhận biết mọi căn cơ của chúng sinh để thuyết pháp thuận hợp.

Người đạt được trí tuệ của bậc Thánh thì thông tỏ tám vạn bốn ngàn pháp môn. Người hiểu rõ trí phương tiện thiện xảo thì có thể vì tất cả chúng sinh mà nêu bày, chỉ rõ tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đó là Bồ-tát tu tập hạnh tinh tấn bình đẳng.

Lúc Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về pháp tu tập tinh tấn bình đẳng này để mở bày cho chúng hội, thì có tám ngàn Thiên tử phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, năm trăm Thiên tử đạt được pháp Nhẫn vô sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Lành thay, lành thay! Ông đã khéo giảng nói về pháp tu tập tinh tấn bình đẳng của Bồ-tát.

Thiên tử Đại Quang thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đức Như Lai đã khen ngợi Đại sĩ, thế Đại sĩ không vui mừng sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ý Thiên tử nghĩ thế nào? Giả sử người làm ảo thuật khen ngợi người được biến hóa ra thì người được biến hóa ấy có nên vui mừng chăng?

–Thưa không! Người làm việc biến hóa không có chỗ lệ thuộc, cũng không có chỗ thọ nhận.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đúng vậy, tướng của tất cả các pháp là như nhiên đều như huyễn hóa. Tướng của Như Lai cũng như vậy, nên do đâu mà tôi vui thích? Ví như âm vang của tiếng gọi, đối với tiếng hay, dở đều không tồn tại, cũng không có chỗ thọ nhận. Tất cả các pháp cũng như vậy, giống như âm vang của tiếng vốn đều thanh tịnh. Sự thanh tịnh của Đức Như Lai, của Văn-thù cũng như thế, thì tôi dựa vào cái gì để vui thích.

Thiên tử Đại Quang lại hỏi:

–Vì sao Như Lai khen ngợi Đại sĩ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Do có chỗ tuyên dương về trí tuệ, dứt mọi duyên dựa, mới được sự khen ngợi của Như Lai. Đối với các lời nói thì không hề buồn, vui cũng chẳng thêm bớt. Đối với các chúng sinh thì không có tướng chấp chúng sinh. Đối với tất cả các pháp thì không có tướng chấp các pháp. Tu tập, đoạn dứt sinh tử để đạt đến Niết-bàn. Hiểu rõ việc làm của ma và con đường hành hóa của Phật. Do nơi việc làm của ma mà giác ngộ chân đế. Phân biệt, thấy rõ được pháp Phật và việc làm của ma. Không sợ việc ma, không nương vào pháp Phật, thực hành như vậy thì được Như Lai khen ngợi.

Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đại sĩ đã phụng hành theo đúng pháp như thế chẳng, cho nên mới được Như Lai khen ngợi?

–Sự khen ngợi ấy là bình đẳng, không hề thiên lệch.

Hỏi:

–Sự bình đẳng ấy không có thiên lệch chăng?

–Gọi là bình đẳng tức là bình đẳng đối với các điều trái nghịch, cũng bình đẳng nơi ngã và ngã sở, bình đẳng nơi bốn đại, cũng bình đẳng nơi các nhận thức, sự bình đẳng của tôi cũng lại như vậy. Như các thứ ấy thì bốn diên đảo cũng bình đẳng, sự bình đẳng của tôi cũng như vậy. Như bình đẳng với những chuyển đổi chẳng thuận hợp và muốn được chứng đắc, sự bình đẳng của tôi cũng như vậy. Như bình đẳng nơi sinh tử cùng với Niết-bàn, như bình đẳng nơi hạnh nguyện, bình đẳng nơi gốc sinh tử và Niết-bàn. Do bình đẳng nơi gốc Niết-bàn với sinh tử nên gọi là bình đẳng của bản tế. Vì bình đẳng nơi bản tế nên bình đẳng nơi ngã và ngã sở. Do bình đẳng nơi ngã và ngã sở nên bình đẳng với vô minh, gốc của ái dục. Như bình đẳng nơi vô minh gốc của ái dục thì cũng bình đẳng với trí tuệ, gốc của giải thoát. Nếu đã bình đẳng với trí tuệ, gốc của giải thoát thì cũng bình đẳng với tham dục, giận dữ, ngu si. Do bình đẳng với ba cấu uế nên cũng bình đẳng với ba môn giải thoát: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đã bình đẳng với ba môn giải thoát thì cũng bình đẳng với gốc của các pháp hữu vi. Đã bình đẳng với gốc

của các pháp hữu vi thì cũng bình đẳng với gốc của các pháp vô vi. Đã bình đẳng với gốc của các pháp vô vi nên sự bình đẳng của Văn-thù cũng vậy.

Vì thế, này Thiên tử Đại Quang! Do sự bình đẳng ấy nên các pháp đều bình đẳng. Do sự thuyết giảng ấy nên chỗ nêu bày, thuyết giảng hiện tại mới được khen ngợi. Tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Hư không bình đẳng, không có thiên lệch. Hư không vô số cũng không có chỗ hiện bày. Nếu có chốn hướng đến mới có chỗ tu tập, hội nhập. Vì thế Như Lai khen ngợi pháp ấy.

Thiên tử Đại Quang hỏi:

–Nhân giả có thể nêu bày thông suốt về pháp được khen ngợi và pháp không được khen ngợi chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Khen ngợi Bồ-tát là từ nơi chí nguyện phát xuất. Đối trá, không thật, là chỗ hành theo buông lung, nên không được khen ngợi.

Cứu độ chúng sinh, không bỏ đại Bi là pháp được khen ngợi. Không có lòng nhân từ, nhớ nghĩ đến việc làm hại chúng sinh, đó chẳng phải là pháp được khen ngợi.

Từ bi, thương yêu tất cả chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Giận dữ, kết buộc, xa lìa nhẫn nhục đó là pháp không được khen ngợi.

Không say loạn, thuận theo lời dạy của giới luật, có tội lỗi, tự thành tâm hối cải, không che giấu đó là pháp được khen ngợi. Che giấu lỗi lầm, không chịu bày tỏ, ăn năn, đó là pháp không được khen ngợi.

Tự thấy thân làm việc ác có thể sửa đổi, dứt trừ, đó là pháp được khen ngợi. Tìm kiếm lỗi lầm của người khác, đó là pháp không được khen ngợi.

Nhận biết rõ ân đức để hành theo, không mang điều mưu hại, hiểu thuận nhân từ, đó là pháp được khen ngợi. Không thấy rõ pháp vô thượng, tâm thường mưu hại, gặp nguy hiểm chống trái không thuận theo đạo hiếu, không biết báo ân, đó là pháp không được khen ngợi.

Nghe giáo pháp của Phật, tìm cầu theo đó để tu tập, đó là pháp được khen ngợi. Nghe kinh điển không chịu kính thuận, đó là pháp không được khen ngợi.

Giữ gìn giới luật chưa từng thiếu sót, đó là pháp được khen ngợi. Đối với giới đã thọ mà không tuân theo, đó là pháp không được khen ngợi.

Thường ở chỗ thanh vắng, tâm ý tịch tĩnh, đó là pháp được khen ngợi. Thích ở chỗ ồn náo, tự buông lung, đó là pháp không được khen ngợi.

Ở chỗ thanh vắng tu tập, xả bỏ thân mạng cũng không luyến tiếc, đó là pháp được khen ngợi. Tham ái đối với thân mạng mình, đó là pháp không được khen ngợi.

Tu bốn pháp Như ý túc, tri túc của bậc Thánh, đó là pháp được khen ngợi. Không biết con đường tiến lùi, nhiều mong cầu, ưa thích các việc ác, đó là pháp không được khen ngợi.

Bị người khinh khi có thể nhẫn nhịn, đó là pháp được khen ngợi. Dùng tâm não hại hướng đến mọi người, đó là pháp không được khen ngợi.

Có khả năng ngăn chặn các tham dục, đó là pháp được khen ngợi. Đối với người căn trí chậm kém, không thể chỉ dạy, giáo hóa, đó là pháp không được khen ngợi.

Đã quy y thì không quên mất, đó là pháp được khen ngợi. Vốn đã quy y mà lại trái bỏ, không nhớ nghĩ, đó là pháp không được khen ngợi.

Hiểu rõ oai nghi phép tắc chân chánh, chí thành thực hiện đúng như lời dạy, tâm khẩu tương ứng, đó là pháp được khen ngợi. Khinh khi, đối trá, mê hoặc tất cả thế gian,

đó là pháp không được khen ngợi.

Hộ trì chánh pháp, không trái với kinh điển, đó là pháp được khen ngợi. Phỉ báng kinh pháp, trái với chánh đạo, đó là pháp không được khen ngợi.

Được nghe kinh điển mà không phỉ báng, tuy không có thầy dạy mà vẫn tuyên dương giáo pháp, không có sự mong cầu, đó là pháp được khen ngợi. Tham tiếc kinh pháp, tự xưng là thầy, thuyết giảng kinh pháp thường theo vọng tưởng, đó là pháp không được khen ngợi.

Nắm giữ phương tiện thiện xảo, mở bày giáo hóa chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Không cứu độ chúng sinh, không dùng phương tiện thiện xảo, không hành theo bốn ân, đó là pháp không được khen ngợi.

Có thể tu tập theo sáu pháp Ba-la-mật, ân cần siêng năng mền mọ tìm cầu, đó là pháp được khen ngợi. Xả bỏ sáu pháp Ba-la-mật là pháp không được khen ngợi.

Tạo lập, thực hành theo trí tuệ, đạt đến Thánh đạo là pháp được khen ngợi. Cao ngạo, buông lung, hành theo kiêu mạn là pháp không được khen ngợi.

Thực hành Từ bi vững bền, thương xót chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi. Không mở rộng, phát huy hành theo hạnh từ là pháp không được khen ngợi.

Phụng hành mười điều thiện không trái với nguyện lớn, là pháp được khen ngợi. Tập theo thói quen tự buông lung làm mười điều ác, đó là pháp không được khen ngợi.

Có thể dứt bỏ mọi thứ xấu ác, đó là pháp được khen ngợi. Thuận theo các việc ác, trái với chánh pháp, đó là pháp không được khen ngợi.

Này Thiên tử Đại Quang! Nên biết, người xuất gia điên đảo, không thực hành theo chánh pháp, gọi là pháp không được khen ngợi. Ưa thích pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, thành tựu tất cả là pháp được khen ngợi.

Oai vệ ngồi trên tòa Sư tử cao, thuyết giảng mà xen luận bàn những chuyện của thế gian, thuận theo thế tục, gọi là pháp không được khen ngợi. Nếu đạt được kho tàng kinh điển Bồ-tát, tu tập thuận hợp, lên tòa Sư tử giảng diễn giáo pháp, đó là pháp được khen ngợi.

Thọ nhận thức ăn của tín thí mà hủy hoại giới cấm, đó là pháp không được khen ngợi. Thuận theo giới pháp thanh tịnh, trong lành, thọ nhận sự cúng dường, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, đó là pháp được khen ngợi.

Cao ngạo, tự đại, ganh ghét kinh pháp, gọi là pháp không được khen ngợi. Khiêm nhường, cung kính không kiêu mạn, buông lung, khen ngợi công đức của mọi người, là pháp được khen ngợi.

Đố kỵ với Bồ-tát, ghét bỏ những người có hạnh cao quý, là pháp không được khen ngợi. Thấy các Bồ-tát, luôn cung kính như Phật, đó là pháp được khen ngợi.

Như vậy, này Thiên tử Đại Quang! Như lời Phật dạy, người thực hành theo pháp đó là pháp được khen ngợi. Không đạt được trí tuệ lớn, đó là pháp không được khen ngợi. Người thuận theo giáo pháp của Như Lai, gọi là pháp được khen ngợi.

Thiên tử Đại Quang hỏi:

–Dùng những thứ gì để tán thán pháp được khen ngợi và thấy rõ pháp không được khen ngợi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tôi đối với các pháp không hành theo khen ngợi cũng không hành theo không khen ngợi. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều có không chỗ ứng hợp, cũng không có ngã và

ngã sở.

–Nhân giả không cùng với pháp thiện hòa hợp sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Tôi không cùng với pháp thiện hòa hợp, cũng không cùng với pháp ác hòa hợp. Vì sao? Vì nếu còn tham chấp, đó gọi là hữu vi, không còn tham chấp là vô vi. Chấp vô thường cũng là hữu vi. Chấp có thân, không rõ thân vốn là không.

–Nhân giả đã đạt được các đức cũng là hữu vi, tức là có ngã và ngã sở chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Nếu tôi chấp thân hữu vi là ngã sở thì bị rơi vào sự sợ hãi.

–Nhân giả không sợ hãi đối với pháp hữu vi chăng?

Đáp:

–Nếu thấy pháp hữu vi vĩnh viễn tồn tại, thành tựu rất ráo không diệt tận, thì tôi mới lo sợ.

–Nhân giả không thấy các pháp hữu vi được thành tựu sao?

Đáp:

–Tôi hãy còn chưa thấy các pháp vô vi được thành tựu, huống nữa lại thấy các pháp hữu vi được thành tựu.

–Nhân giả là hữu vi hay vô vi?

Đáp:

–Tôi không phải hữu vi, cũng chẳng phải vô vi. Vì sao? Nếu là pháp hữu vi thì cùng với hàng phàm phu ngu tối. Nếu là pháp vô vi thì cùng bình đẳng với Thanh văn, Duyên giác.

–Nếu Nhân giả cũng không hữu vi, cũng chẳng phải vô vi, thì nay tôi làm thế nào để giữ gìn, thọ trì lời dạy này?

Đáp:

–Ví như việc làm của người biến hóa, người muốn giữ gìn pháp ấy cũng như vậy. Nay Thiên tử! Ý ông nghĩ sao? Thần thức của Như Lai an trụ ở đâu? An trụ ở nơi sắc chăng?

Đáp:

–Chẳng phải vậy.

–An trụ ở nơi thọ, tưởng, hành chăng?

Đáp:

–Chẳng phải vậy.

–An trụ nơi ba cõi chăng?

Đáp:

–Chẳng phải vậy.

–An trụ nơi hữu vi hay vô vi?

Đáp:

–Chẳng phải vậy.

–Thần thức của Như Lai an trụ ở đâu?

Đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Thần thức của Như Lai hoàn toàn không có chỗ an trụ.

–Này Thiên tử! Thần thức của Như Lai đâu không có chỗ trụ, nhưng ông nên y theo chỗ trụ ấy mà giữ gìn.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Thưa Bồ-tát! Văn-thù Nhân giả tức là Như Lai chăng?

–Như Lai không có nguồn gốc, không đến không đi, không có nơi chốn qua lại, chỗ đến của tôi cũng vậy. Do đó, tôi là Như Lai, chỗ đến cũng như vậy. Như chỗ đến của Phật, tôi cũng như thế. Do ý nghĩa ấy, tôi là Như Lai. Như chỗ trụ của Như Lai, chỗ trụ của tôi cũng vậy. Do đấy, tôi là Như Lai. Như Lai không có nguồn gốc, Văn-thù-sư-lợi cũng không có nguồn gốc, nên nói là không có nguồn gốc. Do đó, tôi là Như Lai.

–Như Lai không có nguồn gốc thì nên cầu từ đâu?

–Này Thiên tử! Như Lai không có nguồn gốc, thì phải ở trong sáu mươi hai thứ kiến chấp mà cầu đạt.

–Sáu mươi hai thứ kiến chấp ấy nên cầu như thế nào?

Đáp:

–Cầu ở trong nẻo giải thoát của Như Lai, không theo pháp giận dữ mà cầu.

–Sự giải thoát của Như Lai không theo pháp giận dữ, vậy nên cầu ở đâu?

Đáp:

–Nên ở trong hạnh nguyện của chúng sinh mà cầu đạt.

–Hạnh nguyện của chúng sinh cầu như thế nào?

Đáp:

–Nên cầu ở trong thánh tuệ của Như Lai.

–Cầu thánh tuệ của Như Lai như thế nào?

Đáp:

–Nên ở trong nguồn gốc các căn sai khác của chúng sinh mà cầu.

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chỗ thuyết giảng của Bồ-tát hiện tại tôi không thể lãnh hội. Do không hiểu rõ nên không thể phân biệt, khiến còn nghi ngờ.

Đáp:

–Trí tuệ của Như Lai thì không thể phân biệt.

–Vì sao?

Đáp:

–Vì trí tuệ của Như Lai không có chướng ngại, cũng không nhớ nghĩ, cũng không thể mau đạt được, không có ngôn từ, không có nơi chốn để hành hóa, không có tâm ý thức, xa lìa mọi lời dẫn dạy. Do đó, không thể biết, cũng không thể phân biệt.

–Trí tuệ của Như Lai không thể phân biệt thì các hàng Thanh văn làm sao hiểu rõ? Do đâu mà Bồ-tát được an trụ trong quả vị không thoái chuyển?

Đáp:

–Này Thiên tử! Đức Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dùng phương tiện thiện xảo, thuận theo căn cơ, sử dụng văn tự để thuyết giảng.

Lại nữa, trí tuệ ấy thì không có văn tự. Ví như chẳng từ trong nước mà có lửa sinh ra. Do sử dụng vật dụng lấy lửa, nhận lấy ánh sáng mặt trời mới phát sinh ra lửa. Như Lai cũng vậy, có đủ oai thần, giáo pháp vi diệu, đạo tuệ vô biên, nên phân biệt rộng để giảng nói về trí tuệ gốc không, không ai có thể nhận biết hết. Thánh tuệ của Như Lai thiêu đốt mọi thứ cỏ cây ngu si tối tăm, khiến chúng không thể sinh trở lại.

–Trí tuệ ấy vì sao cho là thiêu đốt các thứ cỏ cây tối tăm?

Đáp:

–Vì trí tuệ ấy phân biệt các hành nơi tâm của chúng sinh, diễn nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật.

–Không có cỏ cây, không sinh ra mọi thứ tạp uế, cũng không có bệnh tật. Vì sao

nói như vậy?

Đáp:

–Lời giảng nói thông suốt ấy không phân biệt về duyên khởi, lời nói không chê bai, không hòa hợp, không ly tán. Chỗ thuyết giảng ấy cũng không nói về sinh tử, không dạy về Niết-bàn, chỗ đoạn trừ cũng không dứt bỏ, không có tạo ra sự chứng đắc, không tuân hành, không thủ đắc, không trở về. Ngôn từ ở đây chính là lời vắng lặng, chắc thật.

Thiên tử nói:

–Thật khó đạt được, thật chưa từng có! Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về trí tuệ vi diệu rộng lớn, siêu việt như thế mà ma Ba-tuần không đến nơi đây để thực hiện các việc phá hoại, quấy nhiễu, chống đối chẳng?

Vừa dứt lời ấy, trong chốc lát thì ma Ba-tuần ở giữa hư không nổi lên mây mưa dữ dội, phát ra âm thanh lớn vang khắp chúng hội, khiến mọi người đều suy nghĩ: “Đây là những âm thanh gì mà nã động đến như thế”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Ông có thấy ma đang nhiễu loạn chẳng?

–Kính thưa Đức Thế Tôn, đúng vậy!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền dùng pháp Tam-muội Như kỳ tượng để suy nghĩ khiến ma Ba-tuần tự nhiên bị trói buộc rồi rơi xuống đất, la hét, giận dữ:

–Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sao ông lại dùng thần lực trói buộc thân tôi?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Này ma Ba-tuần! Lại có sự trói buộc chắc chắn khó cởi mở vượt hơn cả việc này. Nay bị trói buộc như thế mà ông không biết vì sao bị trói chặt? Đó là nhân duyên trói buộc của ngã, ngã sở, tham ái điên đảo, các tà kiến. Ông luôn bị các thứ xiềng xích ấy trói buộc mà không tự biết.

Ma Ba-tuần thưa:

–Xin Bồ-tát tha tội, cởi trói cho tôi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Ông nên dốc sức thực hành các Phật sự thì ta sẽ cởi trói, khiến được giải thoát.

Ma Ba-tuần thưa:

–Tôi nguyện đối với pháp Phật cũng không buông bỏ, cũng không phá hoại. Vậy nhờ vào nhân duyên nào mà làm Phật sự?

–Này ma Ba-tuần! Muốn biết thực hiện các Phật sự thì nên làm theo trí tuệ biến hóa của Bồ-tát. Nếu Như Lai làm Phật sự thì không cho đó là khó. Mà làm Phật sự thì đấy mới là đặc biệt.

Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nương vào tướng Tam-muội như kỳ tượng để tư duy, khiến ma Ba-tuần biến thành hình tượng Phật, đủ ba mươi hai tướng tốt, thân oai nghiêm, ngồi trên tòa Sư tử, có trí tuệ, biện tài, mọi sự thuyết giảng giống như Phật, mà nói:

–Những ai muốn thưa hỏi về tất cả sự nghi ngờ thì tùy ý thưa hỏi, ta sẽ giải đáp cho.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi ma Ba-tuần:

–Tỳ-kheo tu hành do đâu bị trói buộc?

Ma đáp:

–Chấp nơi thiền định của mình cho là vắng lặng, tức là tướng về có, tướng về không, các thứ tướng như thế cho là quan trọng, hủy hoại các tướng về nhận thức, cho

tưởng kia là chính yếu, nên dấy khởi các niệm để ngăn chặn tưởng về vô nguyện, chấp các nguyện cho là tưởng về Niết-bàn, ưa thích vô vi mà chê bai tưởng sinh tử.

Thưa Tôn giả Ca-diếp! Đó là Tỳ-kheo tu hành bị trói buộc. Vì sao? Tôn giả Ca-diếp nên biết! Chẳng hủy hoại các kiến thức đã có, nhân đó mà hành theo pháp Không. Gọi là không tức là các kiến giải đều là không, không nên hủy hoại các niệm để mong cầu Vô tướng. Vì sao? Đâu có thể cho các niệm thấy đều là Vô tướng. Chẳng nên hủy hoại các nguyện để mong cầu Vô nguyện. Vì chỗ nguyện ấy cũng là Vô nguyện. Chẳng nên hủy hoại sinh tử để cầu về Niết-bàn, biết rõ sinh tử là chỗ không thủ đắc, là Niết-bàn.

Tôn giả Ca-diếp nên biết! Thực hành Niết-bàn ấy là không khởi tư tưởng, nên đối với các sự chấp trước khiến không còn chỗ dấy khởi, cần phải hủy hoại, hoàn toàn diệt tận. Niết-bàn vốn là thanh tịnh không có chỗ sinh khởi, nên là vô vi.

Lúc giảng nói lời này, có năm trăm Tỳ-kheo tâm đạt được thanh tịnh.

Lúc này, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

–Ai là người mở bày giáo hóa các bậc Hiền giả?

Năm trăm Tỳ-kheo thưa:

–Đó là từ chỗ không thủ đắc, không thành Chánh giác, mở bày giáo hóa chúng tôi.

–Dẫn dắt giáo hóa như thế nào?

–Hiểu rõ chỗ không đến, không đi, không sinh, không diệt, trí tuệ thường trụ.

Khi giảng nói lời này, có hai trăm Tỳ-kheo đạt được Pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào là Tỳ-kheo được xem là bậc Thế Tôn?

Ma đáp:

–Nếu không có chỗ thọ nhận, hoàn toàn thanh tịnh, dốc lòng tin tưởng, yêu thích Phật pháp, thọ nhận pháp vị thâm diệu. Như vậy, này Tôn giả Tu-bồ-đề! Hoặc có Tỳ-kheo đối với sự cúng dường không nhận, không bỏ nên quán các Tỳ-kheo ấy như huyễn hóa. Đối với người thọ nhận sự cúng dường thì nên suy nghĩ như hình bóng, không có người bố thí, không có người thọ nhận, tâm không vướng mắc, tâm không dấy khởi, thì đó là bậc Thế Tôn ở trong thế giới ấy.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là Tam-muội không loạn động, cấu uế?

Ma Ba-tuần đáp:

–Đối với chỗ cùng tận của Tam-muội cũng giống như chỗ không cùng tận, thấy đều khiến cho cùng tận, không sinh, không khởi, mà đốt cháy hết các dục, nên gốc ngọn đều thanh tịnh, khiến không còn chỗ sinh, không trở lại chỗ tối tăm, không chỗ trải qua, hiểu rõ tất cả các pháp đều thanh tịnh, chánh định bình đẳng, tu tập theo tịch diệt, quán xét các chỗ thọ, dùng Tam-muội diệt tận để thực hành thiền định, luôn quán xét mà không có đối tượng được thấy, Tam-muội như vậy mới không loạn động, cấu uế.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào là Tỳ-kheo tâm đạt được tự tại?

Ma Ba-tuần đáp:

–Nếu các Tỳ-kheo hiểu rõ tâm của tất cả mọi người và tướng giải thoát nơi các pháp, giảng nói các pháp đều có tướng giải thoát, không có chốn nương tựa, không có chỗ lệ thuộc, không có chỗ giải thoát, cũng không chốn chấp giữ. Tâm không có sắc dục, thấy rõ tất cả là sắc, tâm không có chỗ chấp, hiểu biết rõ các pháp là không có nơi

chốn. Tâm không thủ đắc, hiểu rõ các pháp là không thể nắm giữ. Tâm không thể nhận biết về tâm, tâm ấy như nhiên, thanh tịnh. Các pháp cũng vậy, như nhiên, thanh tịnh. Pháp giới thanh tịnh nên không động chuyển. Nhờ các nhân duyên khác hòa hợp nên hiện ra trước mắt đầy đủ sáu Thân thông, bốn Thân tức, thể hiện diệu dụng. Tỳ-kheo hành hóa như vậy là tâm được tự tại.

Tôn giả Phân-nậu-văn-đà-ni-phất hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là các Tỳ-kheo thuyết pháp thanh tịnh?

Ma Ba-tuần đáp:

–Nếu các Tỳ-kheo thấy tất cả các pháp đều là Ba-la-mật, thấy khắp các tâm đều sai biệt, hết thấy không còn chấp trước, tất cả chỗ nhớ nghĩ không giống với hình tượng, chỉ phân biệt để nêu bày, hiểu rõ hết tất cả. Thấy mọi thứ âm thanh, lời nói, đàm luận, biện giải giống như tiếng vang trong núi sâu, quán người giảng pháp cũng như huyễn, sự nhận thức của thân giống như trăng dưới nước, phân biệt các phiền não, tư tưởng, các niệm từ đó mà dấy khởi, không thọ các pháp cũng không xả bỏ mà được nhập vào Tam-muội. Nếu tuyên dương các pháp, chứng đắc giải thoát thì đạt được bốn biện tài, tâm không còn mong cầu, nên khen rằng “Lành thay!”, không còn nghi ngờ. Làm thanh tịnh tâm mình thì có thể làm thanh tịnh tất cả tâm của người khác. Hiểu rõ tâm vốn thanh tịnh, sáng suốt không cấu uế, biết rõ các phiền não thấy đều là lỗi lầm, thấy ngũ ấm ma thấy đều tịch tĩnh, thấy tử ma trụ chỗ không có khởi đầu và kết cuộc, thấy rõ các Thiên ma dứt trừ tất cả sự chỉ dạy theo dựa chấp. Tất cả tâm chúng sinh đều thanh tịnh như vậy. Tỳ-kheo thực hành như thế mới gọi là thuyết pháp thanh tịnh, thấy khắp đạo pháp để diễn nói rộng kinh điển.

Trưởng lão Ưu-ba-ly hỏi ma Ba-tuần:

–Thế nào gọi là Tỳ-kheo phụng trì giới luật?

Ma Ba-tuần đáp:

–Tỳ-kheo ấy có hiểu rõ tất cả các pháp để mở bày giáo hóa đủ khắp, nhận biết các tội vốn là vắng lặng để trao truyền giới pháp cho người còn do dự. Nếu thấy người phỉ báng thì cũng không nghi ngờ, cũng không bị lệ thuộc. Người ấy đối với các pháp chưa từng sinh tâm ngăn chặn, thường có thể hóa độ những kẻ chống đối, trái nghịch, hướng chi là đối với những người chỉ phạm phải chút ít giới cấm. Hiểu rõ toàn bộ các phiền não, không gì là không phân biệt những thứ phiền não của các trần ấy chẳng cho là bền chắc, nêu giảng các ái dục không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa, thấu rõ các phiền não đều do từ vô minh nên không hủy hoại ái dục, cũng không hỗ trợ chúng, cho đến đối với vô dục cũng không dấy khởi tham chấp, xem mọi dục nơi các trần giống như gió mây, quán xét, hiểu rõ, tuyên dương Thánh tuệ, chỗ thuyết giảng ấy như gió xua tan mây, thấy đều không có chỗ dừng, xem phiền não như trăng trong nước, duyên theo tưởng niệm mà dấy khởi các dục, hiện bày các hình tượng đều từ tối tăm nên cầu đạt trí tuệ để soi sáng các dục. Giống như tắm gương sáng thấy được các hình tượng hiện ra, các sắc như hình tượng quỷ La-sát, đối với chỗ nhớ nghĩ thuận hợp thì quán xét không có đối tượng để nhận thấy, cầu bỏ các dục nơi trần, không còn cấu uế tức dùng trí tuệ nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện, không chấp vào chỗ đã vượt qua. Tỳ-kheo hiểu rõ ái dục như thế mà lại còn tham đắm nơi ái dục tức là đối với chúng sinh không khởi lòng đại Bi. Chúng sinh không ngã, không chấp nơi thân, cũng không vọng tưởng nơi ngã và ngã sở, quán xét như thế thì đã phụng trì giới luật nghiêm túc.

Như vậy, năm trăm vị đệ tử của Thế Tôn, mỗi vị đều tự hỏi về chỗ nhận biết của

chính mình.

Khi ấy, ma Ba-tuần đều phân biệt giải đáp đầy đủ.

Lúc ấy, trong số các chư Thiên, có một Thiên tử tên là Tu Thâm, hỏi ma Ba-tuần:

–Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã giao cho ông thuyết giảng về các việc làm của ma. Như vậy ông đã có thể nhận lấy việc giao phó ấy để giảng đúng nghĩa lý. Xin hỏi:

–Thế nào là việc làm của ma nơi Bồ-tát?

Ma đáp:

–Thiên tử nên biết! Việc làm của ma nơi Bồ-tát có hai mươi thứ. Những gì là hai mươi thứ?

1. Sợ hãi sinh tử, muốn đạt được giải thoát, ưa thích tu tập thuận theo chánh pháp của Phật, cung kính quy mạng mà vọng tưởng mong cầu, đó là việc làm của ma.

2. Quán xét, chấp giữ nơi pháp không mà xem xét các chúng sinh, đó là việc làm của ma.

3. Quán xét nơi vô vi, chán bỏ hữu vi là gốc của các đức thiện, đó là việc làm của ma.

4. Thực hành thiên định mà không mong cầu nhất tâm, lại thoái lui, đó là việc làm của ma.

5. Giảng nói giáo pháp mà không vì người nghe để khởi tâm đại Bi, đó là việc làm của ma.

6. Mong cầu giữ gìn các giới cấm của Phật, mà lại giận dữ, chê bai, đó là việc làm của ma.

7. Giảng nói thông suốt các pháp Thanh văn, Duyên giác, xét hỏi pháp Đại thừa, không phân biệt lớn nhỏ, đó là việc làm của ma.

8. Nhận lãnh việc giảng nói giáo pháp thâm diệu, mà lại chê đạo nói sai, đó là việc làm của ma.

9. Cầu đạt các pháp Ba-la-mật, tự cho là Bồ-tát, đó là việc làm của ma.

10. Khen ngợi các pháp tịch diệt mà sợ việc ấy, giáo hóa chúng sinh mà không dùng phương tiện quyền xảo, đó là việc làm của ma.

11. Tích chứa các thứ công đức mà không gần gũi tâm Bồ-đề, đó là việc làm của ma.

12. Ân cần tu tập các pháp quán tịch tĩnh, theo chỗ quan sát mà còn chấp có chúng sinh, đó là việc làm của ma.

13. Mong cầu dứt mọi dục nơi trần, vượt qua sinh tử, ghét sợ ái dục, đó là việc làm của ma.

14. Tu hành trí tuệ, mà thường ưa thích mong cầu, dựa chấp nơi đại Bi, đó là việc làm của ma.

15. Không dùng phương tiện thiện xảo mà đã thấy tất cả các đức căn bản, đó là việc làm của ma.

16. Không tinh tấn để cầu đạt pháp tạng của Bồ-tát, lại ưa thích nói lời thế tục, đó là việc làm của ma.

17. Mỗi mỗi bộ phận đều là giáo pháp của bậc thầy thông tuệ, mà lại bỏ đi, đó là việc làm của ma.

18. Nếu được giàu sang, nhiều của cải, có oai đức lớn mà tham đắm, không phụng sự bậc trí tuệ, đó là việc làm của ma.

19. Nếu ở ngôi vị cao quý như quân tử, trưởng giả, Phạm vương, Đế Thích... mà

không tu tập pháp Đại thừa, đó là việc làm của ma.

20. Chẳng cùng với Bồ-tát, Pháp sư để thọ nhận giáo pháp được nghe, mà trở lại cùng với hàng Thanh văn, Duyên giác bàn luận, chẳng muốn nghe pháp, tu buông lung phóng dật, đó là việc làm của ma.

Đó là hai mươi thứ việc làm của ma nơi Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi ma Ba-tuần:

–Lành thay, lành thay! Ông đã thuyết giảng về việc làm của ma nơi Bồ-tát. Nếu có người bàn luận các pháp này, nghe rồi giác ngộ, phụng hành, không theo sự dẫn dắt của ma thì người ấy đạt được đạo pháp lớn của Phật, khi giảng thuyết kinh điển tức đạt được hai mươi việc:

1. Đại Từ.
2. Đại Bi.
3. Không nhàm chán sinh tử.
4. Thường gặp bạn lành.
5. Nơi chốn sinh ra liền được gặp Phật xuất hiện ở đời.
6. Có thể thọ nhận các pháp Ba-la-mật.
7. Được các Bồ-tát thâu nhận làm quyến thuộc.
8. Mau đạt được pháp Tổng trì.
9. Đầy đủ biện tài.
10. Đạt được trí tuệ của năm thứ thần thông.
11. Chưa gặp chánh pháp mà có thể lãnh hội.
12. Đời đời sinh ra luôn giữ gìn tâm Bồ-đề.
13. Sẽ được xuất gia làm Sa-môn.
14. Ở chỗ thanh vắng không ồn náo.
15. Nghe rộng, thông suốt.
16. Đạt được trí tuệ thiện xảo.
17. Mở bày, giáo hóa chúng sinh, chỉ dạy bốn ân.
18. Hộ trì chánh pháp.
19. Thường thực hành ngay thẳng, không quanh co, dua nịnh.
20. Đối với tất cả các thứ châu báu không luyến tiếc, không mang tâm não hại chúng sinh.

Đó là hai mươi việc đạt được do giảng thuyết kinh điển dẫn đến với đạo pháp lớn của Phật.

Lúc ấy Thiên tử Tu Thâm hỏi ma Ba-tuần:

–Hay thay, thật là lợi ích! Ông mới được Đức Như Lai khen ngợi.

Ma đáp:

–Xét ra tôi không xứng đáng để nhận lời khen ấy. Nay Thiện nam! Ví như quỷ thần hiện bày rõ nên có thể cho chỗ nói ấy là thật, nhưng chẳng phải người kia nói mà là quỷ thần nói. Như vậy, này Nhân giả! Chỗ giảng nói của tôi là do Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tác động, chẳng phải là do tôi tự nói ra.

Thiên tử hỏi:

–Nay ông biến thành thân hình Phật, không lấy làm vui sao? Lại có đủ tướng tốt trang nghiêm nơi thân, ngồi trên tòa Sư tử, diễn nói kinh pháp, mà không lấy làm thích thú sao?

Ma đáp:

–Các ông thấy tướng tốt trang nghiêm nơi thân tôi. Còn tôi thì lại tự xem như xiềng xích trói buộc.

Thiên tử hỏi:

–Này ma Ba-tuần! Ông nên tự ăn năn sám hối các tội lỗi với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Nhờ oai thần của Bồ-tát sẽ tha tội cho.

Ma đáp:

–Chẳng phải sám hối, chỉ cầu học pháp Đại thừa nơi Bồ-tát. Vì sao? Vì hành theo Bồ-tát thì không còn thấy cảnh giới uế tạp, khiếm khuyết. Đối với kẻ phát khởi sân giận, ôm lòng oán hận thì mới cần sám hối, cung kính tự quy.

Thiên tử hỏi:

–Bồ-tát nhãn nhục có bao nhiêu việc?

Ma đáp:

–Bồ-tát nhãn nhục có mười hai việc. Những gì là mười hai việc?

1. Hết lòng nhãn nhục, dứt mọi giận dữ.
2. Tâm ý nhãn nhục, không có tâm mưu hại.
3. Nhãn nhục không dua nịnh, không khinh khi chúng sinh.
4. Nhãn nhục luôn thương xót tất cả những người thiếu kém trí tuệ, không hiểu đạo.
5. Tu hành nhãn nhục, việc làm đúng như lời nói nên không thoái chuyển.
6. Ở nơi “không nhãn”, xa lìa tà kiến và mọi thứ do dự.
7. Chuyên tưởng nhớ đến pháp nhãn, là pháp dẫn đầu của các pháp.
8. Đối với nhãn thâm diệu là không chấp ngã, ngã sở.
9. Đối với Nhãn nhu thuận thì luôn thuận theo tuệ của các bậc Hiền thánh.
10. Đối với nhãn chân đế thì luôn thuận theo pháp duyên khởi.
11. Đối với nhãn không tạp loạn thì luôn thuận theo tâm niệm của tất cả chúng sinh.

12. Đối với nhãn “ý bất khởi”, nhân đó mà đạt đến pháp Nhãn vô sinh.

Đó là mười hai pháp nhãn của Bồ-tát.

Bấy giờ Thiên tử Tu Thâm hỏi ma Ba-tuần:

–Ông vừa thuyết giảng về hai mươi việc làm của ma, tiếp đến nói về mười hai pháp nhãn nhục của Bồ-tát, lẽ nào không hết sức vui mừng sao?

Ma đáp:

–Tôi rất hoan hỷ.

Thiên tử Tu Chân liền thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Xin Nhân giả tha tội cho ma Ba-tuần.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ma:

–Ai trói buộc ông?

Ma đáp:

–Không rõ ai trói buộc tôi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

–Này ma Ba-tuần! Ông không bị trói buộc mà tự tưởng là bị trói. Tất cả hàng phàm phu, ngu si cũng như vậy. Tâm vốn thanh tịnh mà không suy nghĩ, lại vọng tưởng, chấp trước, không nhận biết vô thường lại tưởng chấp là thường, khổ tưởng là vui, không thân chấp là có thân, bất tịnh tưởng là tịnh, không sắc tưởng là sắc, không thọ, tưởng, hành, thức mà tưởng chấp nắm nắm. Như hiện tại, ma Ba-tuần do ghét sợ trói buộc thì

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nhờ đâu mà được giải thoát.

–Nay tôi chẳng được giải thoát sao?

–Này Ba-tuần! Ông đã được thoát ra, không còn giải thoát lần nữa thì do đâu mà được giải thoát. Do duyên theo vọng tưởng hư dối mà dẫn đến trói buộc, dứt trừ mọi cấu uế ấy thì gọi là giải thoát.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thu hồi thần lực, khiến ma Ba-tuần trở lại như cũ.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi ma Ba-tuần:

–Ma Ba-tuần do đâu mà làm Phật sự?

Ma đáp:

–Do tác động từ cảnh giới của Bồ-tát Văn-thù, nếu không xét kỹ thì tưởng là tôi làm.

Thiên tử Tu Thâm hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đối với các Phật sự ấy thì nên cầu ở đâu?

–Nên ở trong ái dục của chúng sinh mà cầu Phật sự.

–Vì sao mà nói như vậy?

–Do ở nơi phiền não của chúng sinh nên thọ nhận các ái dục. Nếu không ái dục thì không làm Phật sự. Ví như không bệnh thì không cần thầy thuốc. Như vậy nếu chúng sinh không có ái dục thì không cầu Phật.

–Do đâu Phật xuất hiện ở đời?

Đáp:

–Do hoạn nạn của sinh, già, bệnh, chết nên Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì ba cõi đều có sinh, già, bệnh, chết, nên Phật thị hiện ở thế gian.

–Như Lai đắc đạo để diễn nói pháp gì, diệt trừ cái gì?

Đáp:

–Pháp của Như Lai đắc đạo không có đối tượng được dấy khởi, cũng không diệt tận. Vì sao? Vì Phật xuất hiện ở đời tức không có chỗ sinh, cũng không có chỗ mất. Gọi là Phật xuất hiện ở đời nếu có biện luận thì cũng tùy theo thế tục mà hiện thân chứ thật tướng vốn thanh tịnh, nên gọi là bình đẳng không có chỗ sinh.

–Thế nào là Bồ-tát kiến lập tự tánh?

Đáp:

–Đối với tất cả các pháp không có thủ đắc, không rơi vào vùng lưới nghi trói buộc của sáu mươi hai thứ kiến chấp.

–Thế nào là thanh tịnh?

Đáp:

–Đối với pháp trong ngoài không còn chấp trước.

–Thế nào là Bồ-tát làm chủ bố thí?

Đáp:

–Bỏ thân phiền não, không rời tất cả sự ham muốn của chúng sinh.

–Thế nào là Bồ-tát đầy đủ giới cấm?

Đáp:

–Phân biệt hiểu rõ cảnh giới vắng lặng, dứt trừ tất cả mọi thứ xấu ác của chúng sinh, không lìa bỏ tâm Bồ-đề.

–Thế nào là Bồ-tát hoàn toàn nhẫn nhục?

Đáp:

–Thông suốt, thấy rõ tất cả pháp, trừ bỏ các nạn tham, sân, si trói buộc của chúng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sinh mà gắn liền với áo giáp công đức của bậc Nhất thiết trí.

– Thế nào là tinh tấn trọn vẹn?

Đáp:

– Bồ-tát nhờ nơi tinh tấn nên đều thấy rõ tất cả các pháp, để đạt đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dứt trừ các cấu uế, biếng nhác của chúng sinh, tinh tấn tu hành.

– Thế nào là rốt ráo thiền định?

Đáp:

– Thấy tất cả các pháp vốn đều thanh tịnh, nên thiền định bình đẳng. Tất cả chúng sinh do chấp trước mà sinh khởi, tạo tác.

– Thế nào là Bồ-tát thành tựu trí tuệ?

Đáp:

– Đối với mọi sự hành hóa đều không thủ đắc, không thấy có sự hành hóa, diệt trừ tất cả các pháp buông lung, dứt bỏ tà kiến chìm đắm của chúng sinh, tu tập Thánh đạo. Đó là Bồ-tát thành tựu trí tuệ.

– Thế nào là hành Từ?

Đáp:

– Thấy tất cả các pháp hoàn toàn diệt độ.

– Thế nào là hành Bi?

Đáp:

– Hiểu rõ tất cả các pháp là không tạo tác, không có báo ứng.

– Thế nào là hành Hỷ?

Đáp:

– Đối với các pháp không dấy khởi, ưa thích, càng chẳng dấy khởi mà cho là không hành.

– Thế nào là hành Xả?

Đáp:

– Đối với tất cả các pháp không chấp vào nhị biên.

– Thế nào là Bồ-tát đạt được chân đế?

Đáp:

– Phân biệt tất cả các pháp giống như huyễn hóa, đối với các chỗ sinh đều không có đối tượng được sinh, thấy đều không thật có.

– Thế nào là bậc Đại sĩ?

Đáp:

– Quán xét tất cả chúng sinh mà không có chúng sinh.

– Thế nào gọi là bậc tôn quý?

Đáp:

– Thấy tất cả các pháp là không thể thọ trì, chấp giữ, mà cũng chẳng sợ hãi.

– Thế nào là Bồ-tát mặc áo giáp phước đức lớn?

Đáp:

– Quán tất cả các pháp bình đẳng như hư không, không bỏ thệ nguyện.

– Thế nào là nhân từ?

Đáp:

– Thực hành đại Bi, không xa lìa chúng sinh, cũng không gần gũi chúng sinh, mở bày, giáo hóa những người còn vướng mắc nơi phiền não, ái dục.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

– Thế nào là đạt được sự an ổn?

Đáp:

– Không dùng thân, miệng, ý tạo sự quấy nhiễu đối với mọi người, không chấp ngã, ngã sở.

– Thế nào là thuận theo giáo pháp?

Đáp:

– Đối với giáo pháp đã nghe thì có thể phụng hành theo đúng lời dạy của Phật.

– Thế nào là được mọi người quy kính?

Đáp:

– Tùy thuận chúng sinh trong năm đường, có khả năng giáo hóa, không hủy hoại lời nói, thuận theo tâm mình, do đó mà thuận hợp để giáo hóa chúng sinh.

– Thế nào là nhận biết đầy đủ sự hổ thẹn?

Đáp:

– Bên trong tự làm thanh tịnh, bên ngoài thì dốc sức dẫn dắt chúng sinh.

– Thế nào là tin tưởng?

Đáp:

– Tiếp cận với các chướng ngại mà không bị vướng mắc.

– Thế nào là Bồ-tát hành từ kiên cố?

Đáp:

– Thuận theo lời Phật dạy, không có hủy hoại.

– Thế nào là đổi thay?

Đáp:

– Chỗ tạo gốc của công đức chưa từng chống trái, luôn ứng hợp với thường, lạc.

– Thế nào là nhận biết chỗ ít ham muốn.

Đáp:

– Tâm đối với các ái dục, phiền não không hề tham đắm.

– Thế nào là biết đủ?

Đáp:

– Mến mộ trí tuệ của bậc Thánh, không ưa thích các pháp khác.

– Thế nào là viên mãn?

Đáp:

– Trí tuệ đạt được đầy đủ, vượt qua thế gian nên đối với các pháp thế gian không sai phạm.

– Thế nào là phân biệt?

Đáp:

– Không thấy tất cả các dục của phiền não, trừ bỏ mọi thứ cấu uế của chúng sinh.

– Thế nào là Bồ-tát được tự tại?

Đáp:

– Thấy rõ sự thọ thân đều là vô tướng, đạt được trí tuệ tự tại, không theo ái dục.

– Thế nào là Bồ-tát hiểu biết rộng?

Đáp:

– Điều không thích ứng thì không lắng nghe.

– Thế nào là đạt được sự tịch tĩnh?

Đáp:

– Thấy tất cả sự tạo tác đều không thật có, cũng không xả bỏ, không ngăn chặn

các pháp, cũng không khởi niệm.

–Thế nào là an trụ nơi hành?

Đáp:

–Chẳng ở nơi không để thực hành, phân biệt mà giáo hóa, quan sát nẻo hành nơi tâm của chúng sinh, không khởi tưởng chấp về ta và người.

–Thế nào là Bồ-tát đạt được các pháp Tổng trì, đầy đủ biện tài?

Đáp:

–Tất cả sự lãnh hội thấy đều có thể nắm giữ, phân biệt căn cơ của chúng sinh, chỗ cội nguồn quy về, đến với các âm thanh đều không chấp trước. Nay Thiên tử! Đó là Bồ-tát đạt được tổng trì, đầy đủ biện tài.

Lúc ấy, Thiên tử Đại Quang hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ai sẽ lãnh hội những lời dạy này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Bậc Thiệ tri thức sẽ nhận biết để hộ trì và những người có đầy đủ công đức lành vi diệu từ đời trước, có thể nhận biết để làm tăng trưởng thì mới có thể hiểu ý nghĩa của những lời giảng nói ấy.

–Thế nào là chỗ an lạc hợp với tánh?

–Tâm tánh hòa nhã, không kiêu mạn ưa thích giáo pháp thâm diệu.

–Thế nào là Tỳ-kheo không có tâm kiêu mạn?

Đáp:

–Tỳ-kheo không chấp nơi tự thân, dốc tâm cầu pháp Đại thừa, biết rõ thật tướng của thân, không tham chấp nơi thân mình, không trụ ở hai nẻo. Đó là Tỳ-kheo không mang tâm tự đại, hoàn toàn dứt sạch vô minh, do vô minh ái dục nên không thấy rõ con đường giải thoát, thấu đạt vô minh là do ái, si, nhưng thấy đều không có nguồn gốc, đó là Tỳ-kheo không mang tâm tự đại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử:

–Tỳ-kheo lìa bỏ tham dâm, hiểu rõ gốc của tham dục, xa lìa tham dục mà được thanh tịnh, hiểu rõ nẻo hành của tham dục, không có nguồn gốc, xa lìa gốc sân, hiểu rõ gốc sân, xa lìa gốc sân nên đều được thanh tịnh, hoàn toàn sáng suốt, xa lìa gốc si, hiểu rõ về gốc si, xả bỏ gốc si nên đều được thanh tịnh. Hiểu rõ gốc si vốn không có nguồn gốc. Đó là Tỳ-kheo không có tự đại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử:

–Nếu Tỳ-kheo không hiểu các khổ, không đoạn tập nên không chứng đắc, đối với các tập không hành theo nẻo hẹp, hiểu rõ các khổ không có chỗ sinh nên hội nhập vào bốn Đế. Nếu ở nơi khổ không có chỗ sinh thì không có tập, đã không có tập thì không có diệt tận. Nếu ở nơi khổ không có chỗ sinh thì người kia không đi vào con đường hẹp.

Lúc ấy, ma Ba-tuần buồn rầu, lo lắng, khóc lóc thở than:

–Nếu kinh này được lưu truyền khắp nơi thì chúng ma Ba-tuần không thể tùy tiện. Nếu kinh này có người thọ trì thì việc làm của ma sẽ bị dứt hẳn.

Nói xong liền ẩn mất.

Khi đó Thiên tử Đại Quang hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hôm nay, chỗ thuyết giảng của Nhân giả, chúng tôi đã quán xét ý nghĩa để lãnh hội. Như có người không mang tâm tự đại, không hiểu rõ các phước của việc xuất gia, không sợ chỗ tạo tác để thực hành tinh tấn, nếu nghe pháp này mà sợ hãi thì không thể lãnh thọ được, không thể xem Như Lai là bậc thầy giác ngộ. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe pháp này mà hoan hỷ ưa thích thì nên biết người ấy đã được giải thoát.

Đức Phật khen:

–Đúng vậy, như lời ông nói! Bồ-tát do các điều ấy mà được các pháp nhẫn, nhờ pháp nhẫn này mà được sinh vào hàng Thanh văn, Duyên giác.

–Kính bạch Đức Thế Tôn! Kinh này đặt tên là gì? Làm thế nào để phụng hành?

Phật dạy:

–Kinh này tên là Ma Nghịch, nhằm để hàng phục ma Ba-tuần, nên phụng trì như vậy.

Phật thuyết giảng như vậy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Đại Quang và tất cả chúng hội, tám bộ chúng hộ pháp: Trời, Rồng, Quỷ Thần, A-tu-luân, Kiền-đạp-hòa... và người trong thế gian nghe kinh này xong đều hoan hỷ, đánh lễ rồi lui ra.

